

Tác động từ chương trình 135 của Chính phủ đến thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An

NGUYỄN KIM PHƯỚC

Trường Đại học Mở TP.HCM

PHẠM TẤN HÒA

Ủy ban Nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An

Nhận bài: 09/06/2015 - Duyệt đăng: 15/10/2015

Nghiên cứu tác động của chương trình 135 của Chính phủ đến thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An. Kết quả điều tra trong 360 mẫu (trong đó có 50% hộ thuộc địa bàn được hỗ trợ theo chương trình 135 của Chính phủ, 50% không thuộc chương trình 135) cho thấy có 08 (tám) biến độc lập như sau: Trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, khoảng cách đến cửa khẩu gần nhất, diện tích đất sản xuất bình quân, tỷ lệ lao động trong hộ, nhận hỗ trợ từ chương trình, giới tính của chủ hộ và hộ có thành viên tham gia tổ chức chính trị xã hội. Mức độ giải thích của mô hình là 34,2%. Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị các chính sách nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An.

Từ khóa: Thu nhập của hộ gia đình, chương trình 135, Đồng Tháp Mười, Long An.

1. Giới thiệu

Theo UBND tỉnh Long An (2012), tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 3,95%, thấp hơn bình quân chung của cả nước 3 lần (9,45%); trong khi đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực Đồng Tháp Mười chiếm 10,5%, cao gần gấp 2,6 lần so với tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh. Như vậy, thu nhập của các hộ gia đình ở khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An còn rất thấp so với mặt bằng chung của toàn tỉnh, đời sống vật chất của người dân còn nhiều khó khăn.

Theo UBND tỉnh Long An (2012), toàn tỉnh Long An có 11

huyện/thị xã/thành phố, trong đó khu vực Đồng Tháp Mười tập trung tại 6 huyện/thị xã là: Huyện Tân Hưng, huyện Vĩnh Hưng, thị xã Kiến Tường, huyện Mộc Hóa, huyện Thạnh Hóa và huyện Tân Thạnh. Ngoài trừ huyện Tân Thạnh, 5 huyện/thị xã còn lại đều thuộc địa bàn được hưởng những ưu đãi thuộc chương trình 135 của Chính phủ (cả giai đoạn 1 và 2). Giai đoạn 1 của chương trình 135 được thực hiện trong giai đoạn 1998 – 2005, giai đoạn 2 thực hiện từ 2005 – 2010 và chương trình 160 (kéo dài chương trình 135 thêm 3 năm).

Nghiên cứu “Tác động của

chương trình 135 của Chính phủ đến thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An” là rất cần thiết nhằm mục tiêu đánh giá tác động của chương trình 135 của chính phủ đến thu nhập của hộ gia đình khu vực này. Đây là cơ sở đề xuất một số giải pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An, từ đó góp phần xây dựng và phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh quốc phòng, trật tự xã hội ở khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An.

2. Cơ sở lý luận về thu nhập hộ gia đình

2.1. Các khái niệm về thu nhập hộ gia đình

Theo Haviland (2003), hộ gia đình hay còn gọi đơn giản là hộ, là một đơn vị xã hội bao gồm một hay một nhóm người ở chung (cùng chung hộ khẩu) và ăn chung (nhân khẩu). Đối với những hộ có từ 2 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung hoặc thu nhập chung.

Tổng cục Thống kê (2010) định nghĩa: “Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định, thường là 1 năm”. Các khoản thu không tính vào thu nhập gồm rút tiền tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản, vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn nhận được do liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh... Trong nghiên cứu này, thu nhập của hộ gia đình dựa theo khái niệm thu nhập hộ gia đình của Tổng cục Thống kê năm 2010.

Những chính sách hỗ trợ của chương trình 135 thể hiện qua 2 hình thức: Bằng vốn tín dụng (cung ứng vốn cho người dân vay để sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp và bằng các hình thức gián tiếp khác (ví dụ như: Đầu tư đường giao thông, hệ thống nước sạch, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp, công trình và dịch vụ y tế, giáo dục – người dân được hưởng miễn phí, hỗ trợ khai hoang, tiếp nhận và giải quyết việc làm cho hộ dân,...). Như vậy, chương trình 135 của Chính phủ gián tiếp có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình và góp phần cải thiện nhanh đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong khu

vực.

2.2. Các nghiên cứu trước

Theo Park (1992), năng suất lao động là điều kiện để thay đổi thu nhập. Như vậy các nhân tố tác động đến năng suất lao động cũng chính là tác động đến thu nhập. Mankiw (2003) cũng cho rằng, sự khác biệt thu nhập giữa các nước chính là do khác biệt về năng suất lao động. Theo Barker (2002), năng suất lao động nông nghiệp phụ thuộc vào năng suất đất (Giá trị tổng sản phẩm tính trên 1 ha đất nông nghiệp) và quy mô đất (Diện tích đất nông nghiệp tính trên 1 lao động nông nghiệp).

Nguyễn Xuân Thành (2006) cho rằng thu nhập của mỗi lao động bị ảnh hưởng bởi yếu tố số năm đi học và kinh nghiệm làm việc. Bùi Quang Bình (2008) giải thích thu nhập của hộ ảnh hưởng bởi các yếu tố: Trình độ học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp và giới tính của chủ hộ. Nghiên cứu của Nguyễn Sinh Công (2004) và Nguyễn Thị Yến Mai (2011) cho thấy nghề nghiệp của chủ hộ có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình.

Theo Mwanza (2011), những yếu tố tác động đến thu nhập của hộ gia đình bao gồm: vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội. Vốn tự nhiên là đất đai, nước, không khí... là cơ sở cho tất cả các hoạt động kinh tế của con người. Vốn tài chính bao gồm các khoản tiết kiệm và tín dụng, cho biết khả năng của một hộ gia đình để tiết kiệm và tiếp cận tín dụng cho đầu tư trong bất kỳ các hoạt động tạo thu nhập. Vốn con người mô tả các yếu tố như giáo dục, lực lượng lao động và giới tính. Vốn xã hội thể hiện chủ yếu ở mối quan hệ xã hội, mức độ tham gia các hoạt

động cộng đồng.

Theo Nguyễn Trọng Hoài (2010), những hộ gia đình có chủ hộ là nữ giới có khả năng nghèo cao hơn những hộ có chủ hộ là nam giới, đặc biệt là những vùng nông thôn nghèo, cuộc sống dựa vào nguồn thu nhập từ nam giới. Nghiên cứu của Nguyễn Sinh Công (2004) và của Mwanza (2011) đã cho thấy thu nhập của hộ tỷ lệ thuận với diện tích đất sản xuất, tức là diện tích đất sản xuất càng nhiều thì thu nhập của hộ càng cao.

Theo Đinh Phi Hồ (2006), quy mô hộ trung bình của tỉnh là 4,76 người/hộ, trong khi đó quy mô trung bình của hộ nghèo là 5,46 người/hộ, hộ giàu là 2,82 người/hộ. Quy mô nhân khẩu trong hộ có tác động đến thu nhập bình quân của hộ. Theo Alam, Tasneem And Muhammed Waheed (2006) cho thấy rằng thiếu vốn đầu tư dẫn đến năng suất thấp, thu nhập hộ gia đình thấp và tiết kiệm thấp. Nghiên cứu của Lê Thị Kim Ngân (2013) chỉ ra các biến: Khoảng cách đến cửa khẩu, đi làm ở khu vực cửa khẩu, có các hoạt động liên quan đến cửa khẩu,... có tác động đến thu nhập của hộ gia đình.

Theo Phạm Vũ Lừa Hạ (2003), người nghèo ở VN thường khó khăn khi tiếp cận vốn tín dụng chính thức của chính phủ, mặc dù hiện nay Chính phủ VN cung cấp nghèo vốn tín dụng ưu đãi cho người nghèo qua các chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình 135, .. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết, thiếu thông tin, không có tài sản thế chấp, không có phương án sản xuất kinh doanh... dẫn đến không có khả năng trả nợ vay.

Bảng 1: Tổng hợp các biến trong mô hình nghiên cứu trước và cơ sở chọn biến

Biến	Tên biến	Giải thích biến	Nghiên cứu trước
X ₁	Trình độ học vấn của chủ hộ (số năm đi học)	Đo bằng số năm đi học của chủ hộ (chủ hộ là người đứng tên chủ hộ trên sổ hộ khẩu gia đình)	Nguyễn Xuân Thành (2006) Shrestha và Einmooh (2000), Lê Thị Kim Ngân (2013)
X ₂	Khoảng cách từ nhà đến cửa khẩu gần nhất (km)	Trong địa bàn nghiên cứu, tại thị xã Kiến Tường có cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp, các huyện khác như: Tân Hưng, Vĩnh Hưng,... có cửa khẩu phụ.	Lê Thị Kim Ngân (2013)
X ₃	Tuổi của chủ hộ (số năm tuổi)	Là số tuổi của chủ hộ (tuổi)	Nguyễn Thị Yến Mai (2011), Lê Thị Kim Ngân (2013),
X ₄	Diện tích đất sản xuất bình quân (m ² /người)	Đo bằng tổng diện tích hộ đang sản xuất (bao gồm cả đất có quyền sở hữu và đất thuê) chia cho tổng số nhân khẩu trong hộ.	Barker (2002), Nguyễn Sinh Công (2004), Schwarze (2004), Mwanza (2011),
X ₅	Tỷ lệ lao động trong hộ (%)	Đo bằng tổng số lao động tạo thu nhập trong hộ chia cho tổng số nhân khẩu trong hộ.	Shrestha và Einmooh (2000), Nguyễn Sinh Công (2004), Nguyễn Trọng Hoài (2010), Schwarze (2004)
D ₁	Hộ thuộc khu vực nhận hỗ trợ của chương trình 135 (biến giả)	Hộ gia đình sinh sống trong khu vực biên giới là hộ thuộc diện nhận được hỗ trợ theo chương trình 135 (hỗ trợ gián tiếp)	Nguyễn Thị Yến Mai (2011), Lê Thị Kim Ngân (2013)
D ₂	Giới tính của chủ hộ (biến giả)	Biến này nhận giá trị bằng 1 nếu chủ hộ là Nam và nhận giá trị bằng 0 nếu chủ hộ là nữ.	Karttunen (2009), Bùi Quang Bình (2008), Lê Thị Kim Ngân (2013),
D ₃	Chủ hộ có làm việc tạo thu nhập (biến giả)	Biến này nhận giá trị bằng 1 nếu chủ hộ có làm việc tạo thu nhập và nhận giá trị bằng 0 nếu chủ hộ không có làm việc tạo thu nhập.	Nguyễn Sinh Công (2004), Bùi Quang Bình (2008), Nguyễn Thị Yến Mai (2011)
D ₄	Hộ gặp rủi ro trong năm 2014 (biến giả). Rủi ro về sức khỏe nghĩa là gia đình có bất kỳ 1 thành viên nào bị bệnh không thể làm việc. Rủi ro về thiên tai là gia đình bị mất tài sản do những thiên tai gây ra (ví dụ mất mùa, mất nhà, hư hỏng nhà,...).	Biến này nhận giá trị bằng 1 nếu có gặp 1 trong 2 rủi ro hoặc cả 2 và nhận giá trị bằng 0 nếu không có gặp rủi ro nào.	Dercon (2002), Nguyễn (2003), Alderman và cộng sự (2006)
D ₅	Hộ tham gia tổ chức chính trị - xã hội (biến giả)	Biến này nhận giá trị bằng 1 nếu hộ có bất kỳ thành viên nào tham gia tổ chức CT_XH và nhận giá trị bằng 0 nếu không có ai tham gia.	Mwanza (2011)
D ₆	Hộ được hỗ trợ vốn tín dụng (biến giả). Những hộ thuộc khu vực biên giới là hộ có thể được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi theo chương trình 135. Tuy nhiên, hộ chỉ được vay nếu sử dụng vốn để sản xuất kinh doanh và có tài sản đảm bảo.	Biến này nhận giá trị bằng 1 nếu hộ có vay vốn và nhận giá trị bằng 0 nếu hộ không vay vốn theo chương trình 135.	Alam, Tasneem And Muhammed Waheed (2006), Mwanza (2011), Phạm Vũ Lừa Hạ (2003)

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước đã được trình bày như trên, qua tìm hiểu tình hình kinh tế xã hội tại địa bàn nghiên cứu, mô hình nghiên

cứ đề nghị cho đề tài nghiên cứu: “Tác động của chương trình 135 của chính phủ đến thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An” như sau:

$$Y = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_5X_5 + b_6D_1 + \dots + b_{11}D_6 + e$$

Trong đó:

Y: là biến phụ thuộc – thu nhập bình quân (ngàn đồng/năm/người)

b_0 : là hằng số hồi quy.

b_1, b_2, \dots, b_{11} : là hệ số hồi quy.

e: là sai số.

X_1, X_2, \dots, X_5 : các biến độc lập là biến định lượng.

D_1, D_2, \dots, D_6 : các biến độc lập biến giả (biến dummy).

Toàn bộ 11 biến quan sát (xem Bảng 1) trong mô hình đều kỳ vọng dấu dương nghĩa là có tác động cùng chiều với thu nhập của hộ gia đình, ngoài trừ biến “rủi ro” có kỳ vọng dấu âm (tác động làm giảm thu nhập).

3.2. Phương pháp nghiên cứu

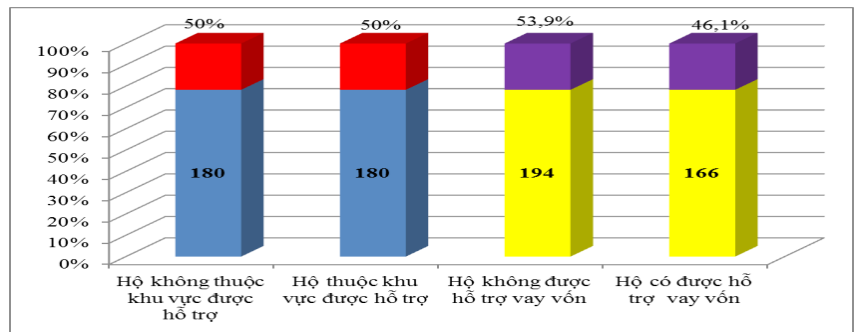
Nghiên cứu được thực hiện thông qua hai giai đoạn: Nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện bằng cách thảo luận nhóm với một số cán bộ làm việc tại Chi cục Thống kê tại địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng: phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu để tạo lập dữ liệu sơ cấp, xác định tác động của chương trình 135 đến thu nhập hộ gia đình trong khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An. Đề tài sử dụng dữ liệu sơ cấp qua việc phỏng vấn trực tiếp 360 hộ gia đình bằng bảng câu hỏi soạn sẵn.

3.3. Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên trên địa bàn 6 huyện/thị khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An. Tổng số hộ phải điều tra là 360 hộ. Mẫu được chọn qua 2 giai đoạn: Giai đoạn 1: Chọn xã/phường và ấp/khu phố; Giai đoạn 2: Chọn hộ

Giai đoạn 1: Chọn ấp, khu phố: Trong khu vực Đồng Tháp Mười có 6 huyện, thị xã. Mỗi huyện/thị

Hình 1: Mẫu phân theo đối tượng hỗ trợ của chương trình 135



sẽ chọn ra 2 xã/phường để điều tra. Như vậy có tổng cộng 12 xã/phường. Mỗi xã/phường chọn 2 ấp/khu phố để điều tra, mỗi ấp/khu phố lấy 15 hộ để điều tra theo phương pháp ngẫu nhiên. Trước tiên ở từng huyện/thị xã lập danh sách từng xã/phường (chia thành 2 nhóm cụ thể: nhóm ấp/khu phố thuộc khu vực được nhận hỗ trợ từ chương trình và nhóm ấp/khu phố không được nhận hỗ trợ từ chương trình. Mỗi khu vực lấy 12 ấp/khu phố. Mỗi ấp/khu phố được thống kê theo số hộ dân và số nhân khẩu (dân) theo từng hộ. Đầu tiên, tính tổng số dân của từng khu vực, sau đó lấy số tổng dân số cộng dồn chia cho số ấp/khu phố với cỡ mẫu là 12, từ đó có khoảng cách mẫu. Tiếp theo ta dùng hàm Randbetween để chọn số mẫu ngẫu nhiên đầu tiên. Từ số mẫu ngẫu nhiên đầu tiên cộng với khoảng cách mẫu ta được mẫu thứ 2. Thực hiện 11 lần ta được danh sách mẫu (ấp/khu phố) cần thực hiện khảo sát.

Giai đoạn 2: Chọn hộ: Mỗi khu phố/ấp mẫu sẽ chọn ra 15 hộ để phỏng vấn. Chọn hộ mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Lập danh sách toàn bộ hộ trong từng khu phố/ấp mẫu đã chọn. Khoảng cách chọn mẫu $K = \text{Tổng số hộ của khu phố hoặc ấp} / \text{số mẫu}$ (15). Chọn số ngẫu nhiên đầu tiên. Dùng hàm Randbetween (1;N) để

lấy giá trị ngẫu nhiên từ 1 đến N. Giá định số ngẫu nhiên đầu tiên là 25 thì số mẫu điều tra ngẫu nhiên các hộ có số thứ tự là 25, 48, 71,... (cách tính: số sau bằng số trước cộng thêm $k=23$) và lấy cho đến khi đủ 15 hộ trong 1 khu phố/ấp.

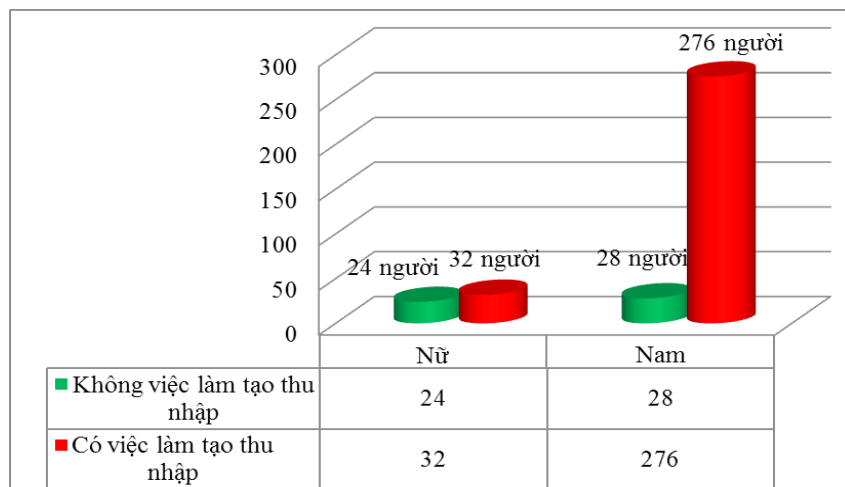
4. Phân tích kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích thống kê mô tả

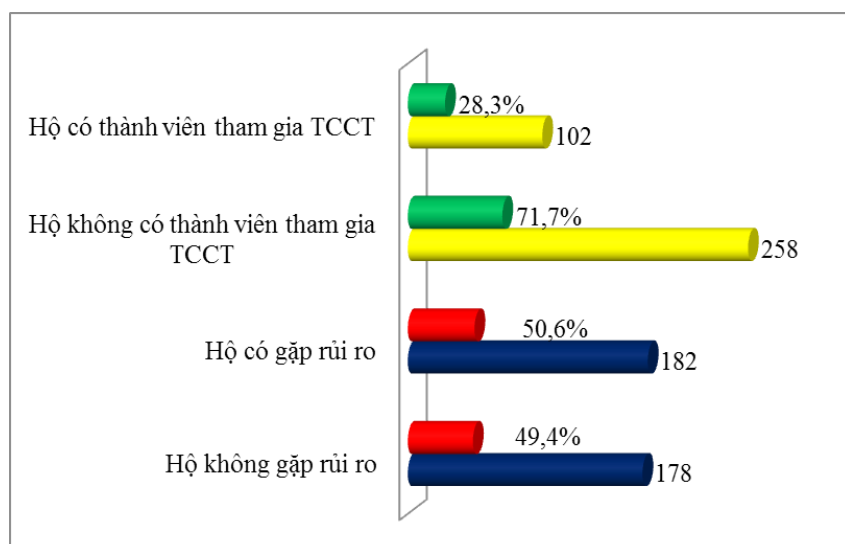
Mẫu nghiên cứu phân theo chương trình 135

Mẫu được phân chia đều cho 2 nhóm khu vực: Khu vực các xã thuộc diện được hỗ trợ theo chương trình 135 và các xã nằm ngoài chương trình 135 nên số quan sát được phân bố đồng đều (50% mỗi khu vực). Tuy nhiên, không phải tất cả các hộ thuộc xã được hỗ trợ đều được vay vốn sản xuất. Những hộ có nhu cầu và đáp ứng các yêu cầu theo chương trình mới có thể tiếp cận vốn vay hỗ trợ này. Chương trình này nhằm mục đích giảm tỷ lệ hộ nghèo ở địa phương, hỗ trợ sản xuất (chủ yếu là nông nghiệp) vì vậy số lượng hộ gia đình không được hỗ trợ vay vốn theo chương trình 135 vẫn chiếm tỷ lệ cao (53,9%) hơn hộ có được hỗ trợ vay vốn (166 hộ, chiếm 46,1%). Như vậy, hộ thuộc khu vực nhận được hỗ trợ chưa hẳn được vay vốn từ chương trình do chưa có nhu cầu, không có phương án sản xuất kinh doanh, không có tài sản thế chấp,...

Hình 2: Giới tính và việc làm của chủ hộ



Hình 3: Tình hình rủi ro và hoạt động chính trị - xã hội của hộ



Bảng 2: Kết quả thống kê mô tả các biến

Các biến khảo sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
X_1 : Trình độ học vấn của chủ hộ (năm)	0,00	16,00	6,0278	2,94221
X_2 : Tuổi của chủ hộ (năm)	17	70	47,73	10,98
X_3 : Khoảng cách đến cửa khẩu gần nhất (km)	1,00	48,20	13,2061	13,29
X_4 : Tỷ lệ LĐ có việc làm trong hộ (%)	0,00	100	66,3614	23,91
X_5 : Diện tích đất sản xuất bình quân (mét vuông/người)	0,00	113,333	7,099	11,349
Y : Thu nhập bình quân (ngàn đồng/năm/người)	3,619	466,001	83,043	63,775

Cỡ mẫu = 360

Kết quả phân phối mẫu như trên là phù hợp với nghiên cứu của Phạm Vũ Hạ Lửa (2003).

Giới tính của chủ hộ

Trong tổng số 360 mẫu khảo sát, có đến 304 hộ có chủ hộ là nam giới, chiếm 84,44% mẫu nghiên cứu, còn lại chỉ có 56 hộ, chiếm 215,56% mẫu có chủ hộ là nữ giới. Trong 304 chủ hộ là nam giới có đến 276 người có việc làm tạo thu nhập, còn lại 28 người không có việc làm tạo thu nhập chiếm 9%. Chủ hộ là nữ giới có tỷ lệ người không có việc làm tạo thu nhập cao hơn, có đến 42,86% số lượng chủ hộ là nữ giới. Chủ hộ là người đứng tên trên sổ hộ khẩu của gia đình và phần lớn là những người có ảnh hưởng quyết định đến thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình. Theo nghiên cứu của Nguyễn Trọng Hoài (2010), hộ có chủ hộ là nam giới có thu nhập cao hơn hộ có chủ hộ là nữ giới, vì nam giới có những điều kiện về sức khỏe, khả năng làm việc nặng nhọc,...tốt hơn nữ.

Về rủi ro và tham gia tổ chức CT-XH của hộ

Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ hộ gia đình có gặp rủi ro và không gặp rủi ro gần tương đồng nhau. Riêng về biến “hộ có thành viên tham gia tổ chức chính trị xã hội” có sự chênh lệch lớn. Có đến 71,7% hộ gia đình không có thành viên tham gia các tổ chức chính trị xã hội, còn lại chỉ có 28,3% mẫu khảo sát cho biết hộ có thành viên tham gia các tổ chức này. Kết quả phản ánh đúng tình hình thực tế, vì số lượng thành viên trong các tổ chức có giới hạn và người dân vẫn còn suy nghĩ “tham gia mất thời gian mà không có lợi ích gì”. Do đó, số lượng hộ gia đình có thành viên tham gia các tổ chức chính trị xã hội vẫn hạn chế.

Bảng 3: Kết quả phân tích hồi quy

Các biến quan sát	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị T	Mức ý nghĩa (Giá trị Sig)	Thống kê đa cộng tuyến	
	Giá trị B	Sai số	Giá trị Beta			Dung sai (Tolerance)	Hệ số phóng đại của phương sai (VIF)
Hằng số	-94341	21149,16		-4,461	0,000		
X ₁ - Trình độ học vấn của chủ hộ (năm)	5369,802***	1007,689	0,248	5,329	0,000	0,848	1,180
X ₂ - Khoảng cách đến cửa khẩu gần nhất (km)	-459,623*	266,035	-0,096	-1,728	0,085	0,596	1,678
X ₃ - Tuổi của chủ hộ (năm)	1848,895***	314,663	0,318	5,876	0,000	0,624	1,604
X ₄ - DT đất SX bình quân người (m2/người)	0,792***	0,25	0,141	3,169	0,002	0,925	1,081
X ₅ - Tỷ lệ lao động trong hộ (%)	244,02*	139,468	0,092	1,75	0,081	0,67	1,493
D ₁ - Nhận hỗ trợ của chương trình	43792,69***	6968,488	0,344	6,284	0,000	0,612	1,634
D ₂ - Giới tính của chủ hộ	16838,21**	8513,466	0,106	1,978	0,049	0,634	1,577
D ₃ - Chủ hộ có làm việc tạo thu nhập	2854,552	11235,33	0,016	0,254	0,8	0,492	2,031
D ₄ - Hộ có gặp rủi ro trong năm 2014	-3684,5	5836,097	-0,029	-0,631	0,528	0,873	1,146
D ₅ - Hộ có thành viên tham gia TCCT	12125,47*	6498,464	0,086	1,866	0,063	0,867	1,154
D ₆ - Hộ có được hỗ trợ vay vốn SX	3872,308	5825,894	0,03	0,665	0,507	0,881	1,135

a. Biến phụ thuộc: Thu nhập bình quân/người (ngàn đồng/năm/người)

Ghi chú: *: mức ý nghĩa 10%; **: mức ý nghĩa 5% và ***: mức ý nghĩa 1%

Tuổi của chủ hộ dao động khá lớn, chủ hộ có tuổi thấp nhất là 17 tuổi và cao nhất đến 70 tuổi, độ tuổi trung bình khoảng 47 tuổi (Tuổi của chủ hộ tập trung ở khoảng từ 34 đến 60 tuổi). Độ tuổi của chủ hộ tập trung trong độ tuổi lao động. Vì thế, chủ hộ đa phần có việc làm tạo thu nhập của hộ gia đình.

Thu nhập bình quân đầu người trong khu vực nghiên cứu có mức thấp nhất là 3,619 triệu đồng/người/năm và mức cao nhất khoảng 466 triệu đồng/người/năm, mức bình quân khoảng 83 triệu đồng/người/năm. Như vậy, có sự chênh lệch về thu nhập khá lớn giữa các cá nhân trong khu vực nghiên cứu. Do những yếu tố đầu vào có sự chênh lệch lớn (diện tích đất sản xuất, tỷ lệ lao

động có việc làm,...) nên dẫn đến thu nhập trong hộ cũng có sự chênh lệch lớn.

4.2. Phân tích hồi quy

Đưa 11 biến độc lập vào phân tích hồi quy cùng với biến phụ thuộc, ta thấy hệ số R² hiệu chỉnh = 0,342. Như vậy, có 34,2% sự thay đổi thu nhập của hộ gia đình trong khu vực ĐTM tỉnh Long An được giải thích bởi 08 (tám) biến độc lập như sau: Trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, khoảng cách đến cửa khẩu gần nhất, diện tích đất sản xuất bình quân, tỷ lệ lao động trong hộ, hộ nhận hỗ trợ từ chương trình, giới tính của chủ hộ và hộ có thành viên tham gia tổ chức chính trị xã hội. Toàn bộ 11 biến quan sát trong mô hình đều thỏa

kỳ vọng ban đầu.

Trong 8 biến có ý nghĩa thống kê có đến 4 biến có độ tin cậy đến 99%, là: Trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, diện tích đất sản xuất bình quân, hộ thuộc diện nhận hỗ trợ từ chương trình. Kết quả này cho thấy chương trình 135 có tác động cải thiện thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An. Đồng thời, biến “Hộ nhận được hỗ trợ từ chương trình” là biến có hệ số hồi quy cao nhất (bằng 43792,69). Kết quả này cho phép ta khẳng định chương trình hỗ trợ của chính phủ có tác động tích cực đến việc cải thiện thu nhập của hộ gia đình.

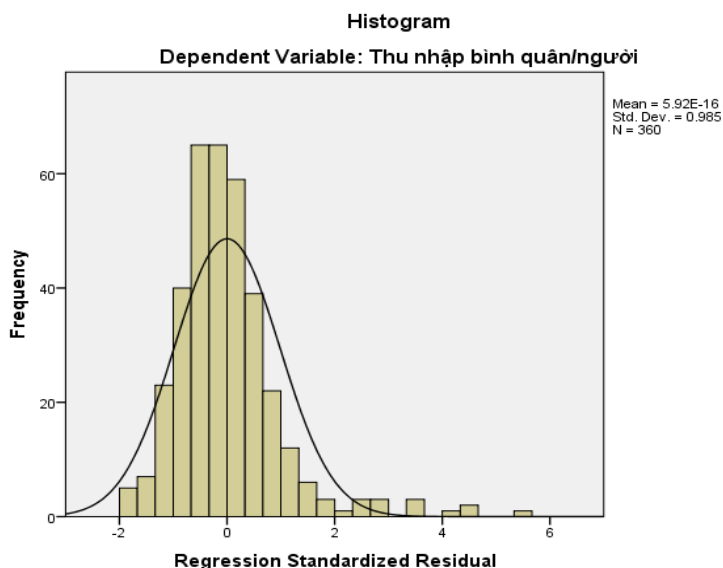
4.3. Kiểm định độ phù hợp mô hình

R² điều chỉnh= 0,342, như vậy

Bảng 4: Kết quả kiểm định Anova

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	529125648308,702	11	48102331664,427	17,980	0,000 ^b
	Residual	931032806200,659	348	2675381627,013		
	Total	1460158454509,361	359			

Hình 4: Biểu đồ kết quả kiểm định phần dư



có 34,2% thay đổi thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười tỉnh Long An được giải thích bởi 08 biến độc lập. Sử dụng hệ số VIF (Collinearity Statistics), $VIF > 10$ có hiện tượng đa cộng tuyến. Giá trị VIF của các biến độc lập có ý nghĩa thống kê đều < 2 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Trị số Prob (F-statistic) = 0,000 và giá trị thống kê $F=17,980$ có thể kết luận rằng mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế (độ tin cậy 99%). Bảng 4 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính có phân tích phương sai ANOVA với độ tin cậy 100% (Sig = 0,00), đủ điều kiện có thể kết luận mô hình được xây dựng phù hợp với tập dữ liệu.

5. Kết luận và giải pháp

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 08 biến độc lập ảnh hưởng đến biến phụ thuộc thu nhập của hộ gia đình ở khu vực ĐTM tỉnh Long An, đó là: Trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, khoảng cách đến cửa khẩu gần nhất, diện tích đất sản xuất bình quân, tỷ lệ lao động trong hộ, nhận hỗ trợ từ chương trình, giới tính của chủ hộ và hộ có thành viên tham gia tổ chức chính trị xã hội.

Dựa vào kết quả nghiên cứu và tình hình thực tế tại khu vực ĐTM tỉnh Long An, một số kiến nghị được đưa ra nhằm góp phần gia tăng thu nhập của hộ gia đình trong địa bàn nghiên cứu cũng như góp phần giúp chính quyền địa phương phát triển kinh tế xã hội trong

tương lai.

5.2. Kiến nghị

5.2.1. Đối với các hộ gia đình

- Học vấn luôn là phương tiện tốt nhất để mọi người tiếp cận tri thức của nhân loại, là điều kiện cần để có thể áp dụng hiệu quả khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, tiếp cận việc làm để nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình. Chủ hộ cần quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân và các thành viên trong gia đình bằng cách tích cực tham gia các buổi học tập cộng đồng, trao đổi kinh nghiệm (chương trình hội thảo đầu bờ, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật,...).

- Gia tăng diện tích đất sản xuất: Hộ gia đình khu vực nông thôn nói chung, khu vực ĐTM nói riêng cần tiết kiệm và đầu tư vào ruộng đất, thuê thêm đất sản xuất... để tăng thu nhập của hộ gia đình.

- Hộ gia đình có thể gia tăng số thành viên có việc làm tạo thu nhập trong hộ bằng nhiều cách. Trường hợp những người già ngoài độ tuổi lao động, trẻ em chưa đến tuổi lao động có thể góp phần tạo thu nhập cho hộ gia đình bằng cách phụ giúp các công việc làm trong hộ ví dụ như: giúp việc nhà, phụ giúp việc buôn bán của gia đình,... để giảm bớt gánh nặng cho các lao động chính. Trường hợp những người trong độ tuổi lao động nhưng không có việc làm, không đủ trình độ làm việc... thì cần khuyến khích họ tìm việc làm (trong hay ngoài nơi sinh sống), học nghề (trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ là chính) để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Hộ gia đình cần tham gia

tích cực vào các tổ chức như: hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh,... để có điều kiện mở rộng mối quan hệ xã hội, có nhiều thông tin về địa phương, về các chính sách hỗ trợ của chính phủ và địa phương. Từ đó, họ có điều kiện tốt để tham gia các chương trình cũng như góp phần cải thiện cuộc sống gia đình, góp phần bảo vệ an ninh trật tự xã hội, thực hiện tốt đường lối chủ trương của Nhà nước.

5.2.2. Đối với chính quyền các huyện/thị xã trong khu vực ĐTM

- Kiến nghị lên Chính phủ tiếp tục thực hiện những chương trình hỗ trợ khác tương tự như chương trình 135 nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội của địa phương nhằm phát triển kinh tế xã hội và giữ vững an ninh quốc phòng của quốc gia. Đặc biệt, Chính phủ cần thực hiện hỗ trợ cho người dân dưới hình thức hỗ trợ gián tiếp (không chi tiền trực tiếp) như: các hỗ trợ vốn cho địa phương phát triển hạ tầng cơ sở, chi đầu tư phát triển hệ thống y tế, giáo dục, dạy nghề, Hiện nay, chính quyền Trung ương đang tập trung phát triển kinh tế vùng khó khăn, khu vực biên giới thông qua các chương trình như: chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, ... chính quyền cần thực hiện triệt để chủ trương trên vì chính các chương trình này tạo điều kiện giảm hộ nghèo, phát triển kinh tế địa phương (vùng khó khăn) thông qua việc phát triển kế cấu hạ tầng, giáo dục, nước sạch vệ sinh môi trường và an ninh quốc phòng. Kết quả thực hiện các chương trình của Chính phủ thời

gian qua đã phát huy tác dụng rõ rệt, giúp người dân nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình tiếp cận các chương trình hỗ trợ của Chính phủ một cách hiệu quả thông qua việc hỗ trợ các thủ tục hành chính, cơ chế chính sách, thông tin... nhằm giúp người dân cải thiện thu nhập.

- Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, cải thiện thu nhập,... bằng cách giúp cho những gia đình khó khăn, vùng biên giới cho con em đến trường đúng tuổi, không phải nghỉ học vì gia đình nghèo, tổ chức thường xuyên các chương trình hội thảo đầu bờ,... Đồng thời, chính quyền cần tạo điều kiện cho người dân khu vực Đồng Tháp Mười tích tụ tài sản, ruộng đất bằng các hình thức như: thuê thêm đất sản xuất, nhận chuyển nhượng,... Đồng thời, cần kiến nghị chính phủ thay đổi mức hạn điền như hiện nay vì đối với khu vực sản xuất nông nghiệp, mức hạn điền theo luật hiện nay làm cho người sản xuất không đạt hiệu quả kinh tế theo quy mô và sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alam. Tasneem And Muhammed Waheed. (2006). The Monetary Transmission Mechanism in Pakistan: A Sectoral Analysis. *The Pakistan Development Review*, 45:4 Part II (Winer) pp 1103 – 1115.

Barker. R. (2002). *Rural development and structural transformation*. Fulbright Economics Teaching Program. University of Economic. HCM. Vietnam.

Bùi Quang Bình. (2008). *Vốn con người và thu nhập của hộ sản xuất cà phê ở Tây Nguyên*. Trường Đại học Kinh tế. Đại

học Đà Nẵng, số 4 (27), trang 96 – 101.

Đinh Phi Hồ. (2006). *Kinh tế Phát triển: Lý thuyết và thực tiễn*. TP. Hồ Chí Minh. NXB Thống kê.

Đinh Phi Hồ. (2008). *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*. TP. Hồ Chí Minh. NXB Phương Đông.

Haviland. W.A. (2003). *Anthropology*. Wadsworth: Belmont. CA.

Lê Thị Kim Ngân. (2013). *Nghiên cứu Khu kinh tế cửa khẩu ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở các xã biên giới tỉnh Đồng Tháp*. Luận văn thạc sĩ kinh tế. Đại học Mở Tp Hồ Chí Minh.

Mankiw. N. G. (2003). *Nguyên lý kinh tế học: Tập 1*. Bản dịch của Khoa Kinh tế học. Đại học Quốc dân Hà Nội. NXB Thống kê.

Mwanza. J. F. (2011). *Assessment of Factors of household capital/assets that influence income of smallholder farmers under International Development Enterprises (IDE) in Zambia*. Master thesis. Ghent University. Belgium.

Nguyễn Sinh Công (2004). *Các nhân tố tác động đến thu nhập và nghèo đói tại huyện Cờ Đỏ - TP. Cần Thơ*. Luận văn Thạc sĩ. Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Yến Mai (2011). *Các nhân tố ảnh hưởng tình trạng nghèo ở các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*. Luận văn thạc sĩ kinh tế học. Đại học Mở TP.HCM.

Nguyễn Trọng Hoài (2010). *Kinh tế phát triển*. TP. Hồ Chí Minh. NXB Lao Động.

Nguyễn Xuân Thành (2006). *Ảnh hưởng của thu nhập đối với việc chi tiêu của sinh viên mỗi tháng*. Đề tài nghiên cứu khoa học. Khoa Kinh tế phát triển. ĐH Kinh tế TP. HCM.

Phạm Vũ Lừa Hạ (2003). *Phát triển hệ thống tín dụng nông thôn ở VN*. Trung tâm tư vấn chính sách Nông nghiệp. đăng tại: http://cap.gov.vn/news/ac_search_csdL.asp?char=P

Tổng cục Thống kê. Xem tại <http://www.gso.gov.vn/khodulieums/Khainiem.aspx>

UBND tỉnh Long An (2012). *Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*.